

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/DS-ST
Ngày 05-10-2017
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
Tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mậu.
2. Ông Hoàng Việt Oanh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hoàn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2017/TLST-DS ngày 31-5-2017 về việc “Tranh chấp HĐ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 154/2017/QĐXX-ST ngày 13-9-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143 ngày 29-9-2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng N

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Người đại diện ký đơn khởi kiện và tham gia tố tụng theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn T1 - Giám đốc ngân hàng N - Chi nhánh B, phòng giao dịch T, (có mặt);

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**** Bị đơn:***

1. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1952, (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956, (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Y, Thôn T, xã E, thành phố B; tỉnh Đắk Lắk.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Văn T2, SN 1981, (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Đình P, SN 1985, (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Y, thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-5-2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngày 17/11/2014, Ông D và Bà Đ có ký kết hợp đồng tín dụng số 328/HĐTD với Ngân hàng N - Chi nhánh Đ - phòng giao dịch H (nay là phòng giao dịch T - Bắc DakLak) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), để vay số tiền: 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Kỳ hạn trả nợ gốc: 11/11/2015;
- Lãi suất trong hạn: 12%/năm;
- Mục đích vay: Nâng cấp nhà, mua sắm đồ dùng sinh hoạt và trang trí nội thất;

Khoản vay nói trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 30, diện tích 415 m² (110 m² đất ở nông thôn, 305 m² đất trồng cây hàng năm), trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, địa chỉ thửa đất: Tại xã E, thành phố B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 813631 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 16/4/2010, đứng tên hộ ông D và Bà Đ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 328/TC ngày 12/11/2014. Việc thế chấp đã được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực.

- Trong quá trình sử dụng vốn vay ông D và Bà Đ mới trả được 30.000.000đồng tiền lãi, hiện khoản vay đã quá hạn từ ngày 12/11/2015. Ngân hàng đã làm việc nhiều lần để ông D và bà Đ có trách nhiệm trả nợ, nhưng ông D và bà Đ vẫn không chịu trả. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 250.000.000đồng;
- Lãi tạm tính đến hết ngày 6/6/2017 là 71.416.666 đồng (trong đó lãi trong hạn là 47.583.333đồng, lãi quá hạn là 23.833.333đồng);
- Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 328/HĐTD từ ngày 7/6/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp bị đơn không có khả năng thanh toán nợ, thì yêu cầu cơ quan Pháp luật xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi công nợ.

**** Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, hợp lệ nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn cố tình lẩn tránh, nên Tòa án không ghi được ý kiến của những người này. Tòa án đã xác minh chữ ký; lập biên bản không tiến hành hòa giải được và hoàn tất các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.***

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:***

**Về trình tự thủ tục tố tụng:*

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 26;35;48;170;171;196;203;220 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70;71;72;73 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ quy định của tố tụng.

**Về nội dung vụ án:*

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2 Luật tổ chức tín dụng; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay là 250.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật;

**Về án phí:*

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

**** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]* Về tố tụng:

- Đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471; 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã được Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tổng đạt giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ, theo thủ tục quy định chung.

[2]* Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Xét, về trình tự thủ tục ký kết Hợp đồng tín dụng số: 328/HĐTD giữa ông D và Bà Đ với Ngân hàng đề ngày 17/11/2014 hai bên đã thực hiện theo đúng quy định chung, như vậy là phù hợp về mặt hình thức.

[2.2] *Xét, về nội dung của Hợp đồng: Kể từ khi bị đơn vay của nguyên đơn số tiền = 250.000.000đồng cho đến nay, thời gian quá hạn đã lâu nhưng bị đơn mới trả được 30.000.000đồng tiền lãi, sau đó Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không chịu trả. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc (bị đơn) ông D và bà Đ có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn gồm các khoản cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 250.000.000đồng;
- Lãi tạm tính đến hết ngày 6/6/2017 là 71.416.666 đồng (trong đó lãi trong hạn là 47.583.333đồng, lãi quá hạn là 23.833.333đồng);
- Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 328/HĐTD từ ngày 7/6/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 471; 474; 476 BLDS năm 2005.

[2.3] * Xét, về trình tự thủ tục ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 328/TC ngày 12/11/2014, đã được hai bên thực hiện bằng sự tự nguyện, đồng thời cũng đã được cơ quan có thẩm quyền Công chứng, Chứng thực và trước khi khởi kiện các bên đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 343 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, trong trường hợp ông D và Bà Đ không có khả năng thanh toán nợ, thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo thủ tục quy định chung.

Trong trường hợp ông D và Bà Đ tự giác thanh toán hết nợ, thì nguyên đơn có trách nhiệm cùng bị đơn xóa thế chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ tài sản mà bị đơn đã thế chấp cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 30, diện tích 415 m2 (110 m2 đất ở nông thôn, 305 m2 đất trồng cây hàng năm), trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, địa chỉ thửa đất: Tại Xã E, thành phố B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 813631 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 16/4/2010, đứng tên hộ ông D và Bà Đ.

[3] *Về chi phí tố tụng khác:

Xét thấy, việc xác minh thu thập thông tin về nguồn gốc lô đất đã thế chấp là cần thiết. Nên, áp dụng theo điểm g, e khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thực hiện việc này và đã chi phí hết 150.000đồng, nguyên đơn đã nộp số tiền này theo biên lai thu tiền số: 0000432 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B. Căn cứ theo quy định tại Điều 155; Điều 156; Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, thì bị đơn phải chịu số tiền đã chi 150.000đồng và nguyên đơn được nhận lại khoản tiền này sau khi thu được của bị đơn.

[4] *Về án phí:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn, nên áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì ông D và Bà Đ phải chịu án phí DSST, cụ thể được tính như sau: 321.416.666đồng x 5% = 16.070.000đồng.

- Bồi các lệ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 145; 146; 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 471; 474; 476; Điều 343 và Điều 721 Bộ Luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng khoản 2 Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4; Điều 56; Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19-12-2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm và điểm d,đ,e khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

*** *Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N.***

*** *Tuyên xử:***

1. Buộc ông D và Bà Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N, tổng số nợ tính đến hết ngày 6/6/2017 là: 321.416.666đồng, gồm:

- Nợ gốc là 250.000.000đồng;

- Lãi tạm tính đến hết ngày 6/6/2017 là 71.416.666 đồng (trong đó lãi trong hạn là 47.583.333đồng, lãi quá hạn là 23.833.333đồng);

-Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 328/HĐTD tính từ ngày 7/6/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

* Sau khi ông D và bà Đ thanh toán xong nợ, thì Ngân hàng N có trách nhiệm xóa thế chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ tài sản mà ông D và Bà Đ đã thế chấp cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 30, diện tích 415 m2 (110 m2 đất ở nông thôn, 305 m2 đất trồng cây hàng năm), trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, địa chỉ thửa đất: Tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 813631 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 16/4/2010, đứng tên hộ ông D và Bà Đ.

* Trong trường hợp ông D và bà Đ, không có khả năng thanh toán nợ, thì tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 30, diện tích 415 m2 (110 m2 đất ở nông thôn, 305 m2 đất trồng cây hàng năm), trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, địa chỉ thửa đất: Tại Xã E, thành phố B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 813631 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 16/4/2010, đứng tên hộ ông D và bà Đ, sẽ được cơ quan Thi hành án xử lý để thu hồi nợ theo thủ tục quy định chung (khi có đơn yêu cầu của nguyên đơn).

2. Về chi phí tố tụng khác:

Ông D và bà Đ phải chịu số tiền 150.000đồng, Ngân hàng N được nhận lại 150.000đồng sau khi thu được của ông D và bà Đ.

3. Về án phí:

- Buộc ông D và bà Đ phải chịu án phí DSST là: 16.070.000đồng (mười sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

- Hoàn trả Ngân hàng N, số tiền 7.972.000đồng (bảy triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự, do bà Lê Thị Minh T đã nộp thay theo biên lai số AA/2016/0000512 ngày 29-5-2017 của Thi hành án Dân sự Thành phố B.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP.B;
- CCTHA DS TP.B;
- Lưu H.sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị An

